TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 07-8-2019.
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Nguyễn Văn Lạc.

2/. Bà Phan Ngọc Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tòng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2019/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị L, sinh năm 1994 (có mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: khóm Vĩnh M, phường A, thị xã X, tỉnh Sóc Trăng.

Chổ ở hiện nay: số 20, quốc lộ 61B, ấp Tân B, xã Long B, thị xã X, tỉnh Sóc Trăng.

2- *Bị đơn:* Anh Võ Văn Th, sinh năm 1987 (có mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: khóm Vĩnh M, phường A, thị xã X, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện lập ngày 04/3/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Phan Thị L trình bày:**

Vào ngày 08/10/2014 chị và anh Võ Văn Th có đăng ký kết hôn với nhau và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 3, thị xã Ngã Năm,

tỉnh Sóc Trăng. Quá trình chung sống anh, chị có con chung tên Võ Phan Ánh T, sinh ngày 08/9/2015, hiện nay đang sống chung với chị. Thời gian chung sống anh, chị không có tài sản chung, nợ chung. Thời gian đầu chung sống với nhau anh, chị sống hạnh phúc, tuy nhiên khoảng tháng 12/2018 chị và anh Th phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống, không hợp nhau về tính cách, hiện nay chị không còn tình cảm gì với anh Th do đó chị không thể tiếp tục chung sống với anh Th được nữa. Chị và anh Th đã ly thân với nhau từ tháng 12/2018 đến nay, sau khi ly thân thì cuộc sống của anh, chị không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy có cuộc sống riêng của mình. Mâu thuẫn giữa anh, chị không có ai biết. Nay chị yêu cầu:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn Th;

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi con chung tên Võ Phan Ánh T, sinh ngày 08/9/2015, chị không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: không yêu cầu giải quyết.

*** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Võ Văn Th trình bày:**

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Phan Thị L về quan hệ hôn nhân, con chung. Về tài sản chung, nợ chung anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh, chị không có mâu thuẫn gì lớn hết, do chị L có tình cảm bên ngoài nên mới yêu cầu ly hôn với anh. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh thì cũng đồng ý ly hôn với chị L, về con anh yêu cầu được nuôi con chung tên Võ Phan Ánh T, sinh ngày 08/9/2015, anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con, vì anh có đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Chị Là và anh Th sống chung trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên xem đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh, chị có một con chung tên Võ Phan Ánh T, sinh ngày 08/9/2015, hiện cháu đang sống với chị L. Thời gian đầu anh, chị chung sống đầm ấm hạnh phúc, tuy nhiên thời gian không bao lâu anh, chị lại phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 12/2018 đến nay. Chị L đã nộp đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Th, Tòa án cũng đã tổ chức hòa giải để hai bên

hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị L vẫn kiên quyết xin ly hôn nghĩ nên căn cứ Điều 51 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Là đối với anh Th.

Về con chung: Chị L và anh Th sống chung có một con chung tên Võ Phan Ánh T, sinh ngày 08/9/2015, hiện nay đang sống với chị L. Chị L và anh Th đều có yêu cầu được nuôi con. Tuy nhiên, theo chị L cho rằng con do chị chăm sóc nuôi dưỡng từ nhỏ hiện nay chị cũng có thu nhập ổn định, con chị là con gái cho nên việc chị nuôi con sẽ đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cũng như sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của bé nên để bé cho chị L tiếp tục nuôi là phù hợp. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu Tuyết cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa chị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phan Thị L và anh Võ Văn Th tự nguyện kết hôn với nhau, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị L và anh Th đã đủ điều kiện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường a, thị xã x, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/10/2014, do vậy hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống đầm ấm hạnh phúc và đã có con chung với nhau, tuy nhiên thời gian chung sống không bao lâu thì anh, chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc chị L yêu cầu ly hôn với anh Th. Phía chị L cho rằng anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống, không hợp nhau về tính cách, hiện nay chị không còn tình cảm gì với anh Th do đó chị không thể tiếp tục chung sống với anh Th được nữa. Về phía anh Th cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng không có gì lớn, do chị L có tình cảm bên ngoài nên mới yêu cầu ly hôn với anh, trong quá trình giải quyết vụ án anh không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương vợ con và không muốn gia đình tan rã. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành động viên, hòa giải các bên khắc phục mâu thuẫn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, nhưng chị L vẫn cương quyết giữ nguyên quyết định xin ly hôn và anh Th cũng không có giải pháp gì khắc phục mâu thuẫn với chị L để vợ chồng chung sống lại với nhau. Tuy nhiên tại phiên tòa, anh Th thay đổi ý kiến là thống nhất thuận tình ly hôn với chị L.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của chị L và anh Th đã không còn, mâu thuẫn giữa của anh, chị không thể khắc phục, cuộc sống hôn nhân của anh, chị không mang lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giải quyết chị L được ly hôn với anh Th để tạo điều kiện cho mỗi người tạo dựng cuộc sống mới.

[2]. Về con chung:

Trong quá trình chung sống chị Phan Thị L và anh Võ Văn Th có một con chung là cháu Võ Phan Ánh T, sinh ngày 08/9/2015, hiện nay đang sống chung với chị L. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh Thiện đều yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành. Xét thấy: Việc giao con cho cha hay mẹ nuôi phải đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con về vật chất, lẫn tinh thần, cháu T từ khi sinh ra cho đến nay đã sống cùng với mẹ. Xét thấy để đảm bảo cuộc sống của cháu T được ổn định không bị xáo trộn về mặt tâm lý cũng như điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T cho chị L nuôi dưỡng đến tròn 18 (*mười tám*) tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho anh Th không ai được quyền ngăn cản anh thực hiện hợp pháp quyền này. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. Về phân chia tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn:

Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị L phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.

[5]. Đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

* ***Tuyên xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị L. Chị Phan Thị L được ly hôn với anh Võ Văn Th.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Phan Ánh T, sinh ngày 08/9/2015 cho chị Phan Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tròn 18 (*mười tám*) tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Th, không ai được quyền ngăn cản anh thực hiện hợp pháp quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị L phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0005206 ngày 14/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã X, chị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã X;
- Chi cục THADS thị xã X;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND phường A, thị xã X;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Mỹ Hạnh